

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2165/2022/DS-ST

Ngày: 16/6/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-DS ngày 10/01/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3459/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Kim D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 220/3 đường Gò Dưa, khu phố A, phường Tam B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971

Địa chỉ thường trú: Đội A, thôn Hòa Hiệp, xã Bình T, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ tạm trú: 58 Đường số A, khu phố A, phường Tam B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Lương Thị Kim D và bà Nguyễn Thị B có quan hệ là hàng xóm quen biết nhau. Ngày 12/08/2018, bà D có cho bà B vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%, mục đích vay là bà B dùng để mua đất đầu tư. Ngày 10/09/2018, bà Nguyễn Thị B tiếp

tục vay thêm số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất thỏa thuận như cũ là 5%, bà B hẹn sau 03 tháng sẽ trả lại toàn bộ tiền gốc đã vay và tiền lãi. Thế nhưng, đã quá thời hạn thanh toán như thỏa thuận mà bà B không trả tiền gốc cũng như tiền lãi như đã hứa, bà D đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng bà B cố tình kéo dài, không có thiện chí trả nợ, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B trả lại số tiền nợ gốc đã vay là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả lãi.

(2) Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai ngày 06/4/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị B thừa nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, bà B xác nhận có ký tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền ngày 12/8/2018, xác nhận hiện tại còn nợ bà Lương Thị Kim D số tiền 450.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B đồng ý trả lại số tiền còn nợ 450.000.000 đồng cho bà D, nhưng do dịch bệnh Covid-19 kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần và đề nghị trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ nói trên. Đồng thời, bà B có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lương Thị Kim D có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Lương Thị Kim D, bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận, tiến hành mở phiên tòa giải quyết theo thủ tục chung. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Lương Thị Kim D với bà Nguyễn Thị B phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị B có đăng ký tạm trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà 58 Đường số 10, khu phố 4, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Kim D và bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 12/8/2018, bà D có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời gian vay là 03 tháng (ngày đến hạn trả nợ là ngày 12/11/2018). Ngày 10/9/2018, bà D cho bà B vay thêm số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thời gian vay là 03 tháng (ngày đến hạn trả nợ là ngày 10/12/2018). Tổng số tiền mà bà D cho bà B vay là 450.000.000 đồng. Việc cho vay giữa hai bên có lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ mà bà B vẫn chưa hoàn trả khoản tiền đã vay cho bà D. Căn cứ các Điều 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, mà bà Nguyễn Thị B không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B trả lại số tiền đã vay là 450.000.000 đồng là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lương Thị Kim D về việc không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B trả tiền lãi.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lương Thị Kim D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả ngay một lần cho bà Lương Thị Kim D số tiền nợ gốc đã vay là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Lương Thị Kim D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị B không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà B còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng), buộc bà Nguyễn Thị B phải nộp theo quy định.

Trả lại cho bà Lương Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0025535 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thiên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

